

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-6-2021

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Kim Hồng.

2. Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021, Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994.

Đăng ký hộ khẩu: thôn ĐX, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Đội 8, thôn AĐ, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn ĐX, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: NB (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị và anh Trần Hữu Q được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/6/2018. Trước khi kết hôn với chị, anh Q đã ở NB làm ăn nhiều năm, đến tháng 6/2018 anh Q mới về nước để tổ chức đám cưới với chị. Sau khi kết hôn, anh chị ở cùng bố mẹ chồng là ông Trần Hữu Ngh và bà Nguyễn Thị H ở Đội 1, thôn ĐX, xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương được 5 ngày thì anh Q lại đi sang NB tiếp tục làm ăn. Chị và anh Q hạnh phúc được khoảng nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q và gia đình nhà chồng bắt chị sau khi sinh con phải sang NB làm ăn cùng anh Q nhưng chị không đồng ý sang ngay mà muốn khi nào con cứng cáp chị mới đi. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là sau khi chị sinh con, anh Q có về nước và tiếp tục yêu cầu chị làm thủ tục sang nước ngoài, nhưng chị đề nghị để con cứng cáp rồi chị mới đi. Do đó, sau khi chị sinh con được 9 ngày thì anh Q có đưa mẹ con chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở, nhờ bố mẹ chị chăm hộ hai mẹ con và lại tiếp tục đi làm ăn, chỉ thỉnh thoảng gọi điện về cho chị nhưng cũng là độc thúc chị làm thủ tục đi sang NB làm ăn cùng anh chứ không hỏi han, quan tâm gì mẹ con chị. Đến tháng 9/2019, anh Q về nước và làm thủ tục ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện NS, nhưng vì chị đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên không giải quyết được, anh Q lại đi sang NB tiếp tục làm ăn. Ban đầu chị nghĩ do vợ chồng ở xa nhau, không có nhiều thời gian ở bên nhau nên mới dẫn đến việc xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nên chị đã tìm cách liên hệ để thuyết phục anh Q về Việt Nam để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên anh Q không đồng ý về. Hiện nay anh Q đang cư trú, sinh sống và làm ăn tại NB, nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

- *Về con chung*: Chị và anh Q có 01 con chung là Trần Gia L, sinh ngày 14/3/2019. Cháu L ở cùng chị và ông bà ngoại từ nhỏ, hằng ngày có bố mẹ chị hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con khi chị đi làm. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Gia L. Hiện nay chị đang làm nhân viên tại Công ty Việt Nam Toyodenso, thu nhập khoảng 7-9 triệu/ tháng, đủ khả năng và điều kiện để nuôi con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Trần Hữu Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do chị D không cung cấp được địa chỉ của anh Q tại NB nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình anh Q, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Q. Ông Trần Hữu Ngh và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ anh Q xác định, anh Q hiện làm ăn, sinh sống tại NB nhưng ông, bà không biết địa chỉ của anh Q nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Q thường xuyên liên lạc về gia đình. Theo ông Ngh, bà H cung cấp thì sau khi kết hôn vợ chồng anh Q và chị D sống cùng ông bà được thời gian ngắn thì anh Q đi NB tiếp tục làm ăn, còn chị D ở lại sống cùng ông bà. Chị D và anh Q hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị D đưa con về ở cùng bố mẹ đẻ. Sau đó một thời gian, anh Q về nước làm đơn xin ly hôn chị D và nộp tại Tòa án nhân dân huyện NS, tỉnh Hải Dương nhưng chưa kịp giải quyết thì anh Q lại phải sang NB làm ăn. Vợ chồng anh Q, chị D ly thân từ đó đến nay. Ông bà chỉ biết anh Q đi làm ăn ở NB, còn làm công việc gì hay địa chỉ cụ thể ở đâu ông bà không biết, ông bà cũng có hỏi nhưng anh Q không nói nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ của anh Q cho Tòa án được. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Q biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Ngh, bà H xác định đã thông tin cho anh Q biết. Anh Q có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D. Ông Ngh, bà H xác định vợ chồng chị D, anh Q có 01 con chung là cháu Trần Gia L, sinh ngày 14/3/2019, từ khi sinh ra đến nay cháu L ở cùng chị D tại nhà ông bà ngoại. Vợ chồng anh Q, chị D không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Hữu Q; Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Gia L, sinh ngày 14/3/2019 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Q phải cấp

dưỡng cho con; Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Trần Hữu Q. Anh Q hiện đang sinh sống và lao động tại NB. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D không cung cấp được địa chỉ của anh Q tại NB. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Q cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị D, anh Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Hữu Q được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/6/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. **Thông** qua gia đình, anh Q có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị D và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị D xin ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị D và anh Q có một con chung là Trần Gia L, sinh ngày 14/3/2019. Hiện cháu L đang ở với chị D. Xét thực tế, anh Q đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Hữu Q.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Gia L, sinh ngày 14/3/2019, thời gian từ tháng 6/2021 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Trần Hữu Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Trần Hữu Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005727 ngày 25/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Trần Hữu Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã AB, huyện NS, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa